BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4990.../QĐ-ĐHNL-SĐH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành đề án tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ Thú y cộng đồng năm 2024

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 2812/QĐ-ĐHNL-SĐH ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Nghị quyết số 46/NQ-HĐT ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh về việc thông qua chủ trương về Phương án tuyển sinh trình độ Sau đại học năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 4625/QĐ-ĐHNL-SĐH ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh về việc Ban hành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Thú y cộng đồng;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Khoa học và đào tạo ngày 13 tháng 11 năm 2024 về việc thông qua Đề án tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Thú y cộng đồng;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành Đề án tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Thú y cộng đồng (đào tạo bằng tiếng Anh) năm 2024 của Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh *(Đề án kèm theo quyết định này).*

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học, Trưởng Khoa Chăn nuôi Thú y và các Phòng chức năng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như điều 3;
- Thông báo rộng rãi;
- Lưu: P.HC, P.ĐTSĐH.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP HỒ CHÍ MINH

PGS.TS. Nguyễn Tất Toàn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ CHUYÊN NGÀNH THÚ Y CỘNG ĐỒNG NĂM 2024

(Ban hành kèm Quyết định số 4990./QĐ-ĐHNL-SĐH ngày 18.. tháng 11.. năm 2024)

I. Thông tin chung (tính đến thời điểm xây dựng kế hoạch tuyển sinh)

1. Tên cơ sở đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH

2. Mã trường: NLS

3. Địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu)

Stt	Loại cơ sở đào tạo	Tên cơ sở đào tạo	Địa điểm	Diện tích đất (m^2)	Diện tích xây dựng (m^2)
1	Phân hiệu	Phân hiệu Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh tại Gia Lai	Đường Trần Nhật Duật, Thôn 1, xã Diên Phú, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai	595.356	3.084
2	Phân hiệu	Phân hiệu Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh tại Ninh Thuận	Số 8, Đường Yên Ninh, Thị trấn Khánh Hải, Huyện Ninh hải, tỉnh Ninh Thuận	38.265	6.419
3	Cơ sở đào tạo chính	Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh	Khu phố 6, phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	1.353.622	38.237

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo: https://www.hcmuaf.edu.vn/

5. Địa chỉ trang thông tin điện tử Sau đại học: https://pgo.hcmuaf.edu.vn/

6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 028.2896.3339 – 028.3897.4114

7. Thông tin tuyển sinh của 2 năm gần nhất:

- Công khai thông tin và tuyển sinh của 2 năm gần nhất trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo: https://pgo.hcmuaf.edu.vn/

- Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất của Nhà trường: Xét tuyển và Thi tuyển.

- Đường link công khai quy chế tuyển sinh của cơ sở đào tạo trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo: https://pgo.hcmuaf.edu.vn/

- Đường link công khai Đề án mở chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ Thú y Cộng đồng: https://pgo.hcmuaf.edu.vn/

8. Thông tin danh mục chuyên ngành được phép đào tạo

Đường link công khai danh mục chuyên ngành được phép đào tạo trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo: https://pgo.hcmuaf.edu.vn/

8.1. Danh mục chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ:

Stt	Chuyên ngành hiện tại	Mã số chuyên ngành	Số quyết định mở chuyên ngành	Ngày tháng năm ban hành Quyết định
1	Bảo vệ thực vật	8620112	2822/QĐ.SĐH	11/4/1991
2	Chăn nuôi	8620105	2822/QĐ.SĐH	11/4/1991
3	Khoa học cây trồng	8620110	2822/QĐ.SĐH	11/4/1991
4	Kỹ thuật cơ khí	8520103	2822/QĐ.SĐH	4/11/1991
5	Lâm học	8620201	2822/QĐ.SĐH	11/4/1991
6	Thú y	8640101	5152/GD-ĐT	22/11/1995
7	Thú y cộng đồng	8640101.01	4625/QĐ-ĐHNL-SĐH	31/10/2024
8	Kinh tế nông nghiệp	8620115	900/QĐ-BGD&ĐT-SĐH	5/3/1999
9	Nuôi trồng thủy sản	8620301	900/QĐ-BGD&ĐT-SĐH	5/3/1999
10	Công nghệ sinh học	8420201	2244/QĐ-BGD&ĐT-	25/4/2005

			ĐH&SĐH	
11	Kỹ thuật chế biến lâm sản	8549001	2243/QĐ-BGD&ĐT-ĐH&SĐH	25/4/2005
12	Quản lý đất đai	8850103	346/QĐ-BGD&ĐT-ĐH&SĐH	21/1/2008
13	Công nghệ thực phẩm	8540101	5279/QĐ-BGD&ĐT	20/8/2009
14	Quản lý tài nguyên và môi trường	8850101	5587/QĐ-BGD&ĐT	9/11/2011
15	Kỹ thuật môi trường	8520320	4416/QĐ-BGDĐT	10/10/2014
16	Kỹ thuật hoá học	8520301	1290/QĐ-BGD&ĐT	17/4/2015
17	Quản lý kinh tế	8310110	353/QĐ-BGD&ĐT	6/2/2017

8.2. Danh mục chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ

Stt	Chuyên ngành hiện tại	Mã số chuyên ngành	Số quyết định mở chuyên ngành	Ngày tháng năm ban hành Quyết định
1	Bảo vệ thực vật	9620112	1759/QLKH	31/12/1985
2	Bệnh lý học và chữa bệnh vật nuôi	9640102	1759/QLKH	31/12/1985
3	Chăn nuôi	9620105	1759/QLKH	31/12/1985
4	Khoa học cây trồng	9620110	1759/QLKH	31/12/1985
5	Kỹ thuật cơ khí	9520103	845/QĐ-SĐH	14/7/1989
6	Lâm sinh	9620205	902/QĐ-SĐH	4/8/1989
7	Nuôi trồng thuỷ sản	9620301	5644/QĐ-BGD-ĐT	19/12/2012
8	Công nghệ sinh học	9420201	2584/QĐ-BGD&ĐT	23/7/2014
9	Kỹ thuật chế biến lâm sản	9549001	1262/QĐ-BGD&ĐT	15/4/2015
10	Kinh tế nông nghiệp	9620115	1261/QĐ-BGD&ĐT	15/4/2015

11	Quản lý tài nguyên và môi trường	9850101	2570/QĐ-BGD&ĐT	21/7/2015
12	Công nghệ thực phẩm	9540101	3064/QĐ-BGD&ĐT	29/8/2016

II. Thông tin về điều kiện đảm bảo chất lượng tuyển sinh và đào tạo

1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

Stt	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m^2)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	256	107174.63
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	19	36136.68
1.2	Giảng đường từ 100 - 200 chỗ	31	8408.95
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	78	10832
1.4	Số phòng dưới 50 chỗ	115	7854
1.5	Số phòng học đa phương tiện	1	2415
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	12	41528
2	Thư viện, trung tâm học liệu	3	6946
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	16	24466
	Tổng	275	138586.63

2. Nguồn lực phục vụ đào tạo và nghiên cứu

Danh sách giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy và hướng dẫn học viên của chương trình Thú y cộng đồng thể hiện tại Phụ lục 1.

III. Đào tạo trình độ Thạc sĩ

1. Thông tin tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2023

Năm 2023 Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh có 16 chuyên ngành đào tạo trình độ Thạc sĩ.

- Tuyển sinh đào tạo trình độ Thạc sĩ năm 2023:

Stt	Chuyên ngành	Thực hiện
1	Bảo vệ thực vật	26
2	Công nghệ sinh học	16
3	Công nghệ thực phẩm	18
4	Kỹ thuật hóa học	1
5	Kỹ thuật môi trường	0
6	Nuôi trồng thủy sản	10
7	Khoa học cây trồng	44
8	Lâm học	40
9	Kỹ thuật chế biến lâm sản	5
10	Kỹ thuật cơ khí	11
11	Chăn nuôi	6
12	Thú y	61
13	Quản lý tài nguyên và môi trường	20
14	Quản lý kinh tế	48
15	Quản lý đất đai	89
16	Kinh tế nông nghiệp	3
Tổng		398

- Quy mô đào tạo trình độ Thạc sĩ thời điểm xác định năng lực và chỉ tiêu tuyển sinh (31/12/2023)

Stt	Chuyên ngành	Quy mô
1	Bảo vệ thực vật	41
2	Công nghệ sinh học	46
3	Công nghệ thực phẩm	42
4	Kỹ thuật hóa học	3

5	Kỹ thuật môi trường	4
6	Nuôi trồng thủy sản	25
7	Khoa học cây trồng	108
8	Lâm học	104
9	Kỹ thuật chế biến lâm sản	10
10	Kỹ thuật cơ khí	20
11	Chăn nuôi	33
12	Thú y	158
13	Quản lý tài nguyên và môi trường	69
14	Quản lý kinh tế	278
15	Quản lý đất đai	188
16	Kinh tế nông nghiệp	46
Tổng		1175

- Quy mô đào tạo trình độ Thạc sĩ chuyên ngành Thú y: tính đến thời điểm hiện nay (01/11/2024) là 169 học viên.

2. Thông tin tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2024

2.1. Chỉ tiêu đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2024

Căn cứ điều kiện đảm bảo chất lượng bao gồm cơ sở vật chất, cơ sở thực hành, nguồn lực tham gia giảng dạy gồm giảng viên cơ hữu, giảng viên thỉnh giảng và các điều kiện khác về xác định chỉ tiêu tuyển sinh bao gồm danh mục ngành gần, ngành phù hợp, phương thức tuyển sinh đào tạo sau đại học năm 2024.

Phòng Đào tạo Sau đại học kết hợp với các khoa chuyên môn và các đơn vị có liên quan tiến hành phối hợp thực hiện rà soát các điều kiện về quy mô tuyển sinh, nhu cầu đào tạo tại thời điểm xây dựng đề án tuyển sinh và thực hiện báo cáo qua các cuộc họp tuyển sinh về đào tạo sau đại học, trình Ban Giám hiệu phê duyệt đề án tuyển sinh và các thông báo tuyển sinh sau đại học năm 2024.

Chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2024 được Bộ Giáo dục và Đào

tạo xác định cho Nhà trường như sau:

Stt	Chuyên ngành	Chỉ tiêu
1	Công nghệ sinh học	45
2	Kỹ thuật cơ khí	40
3	Kỹ thuật hóa học	25
4	Kỹ thuật môi trường	25
5	Công nghệ thực phẩm	45
6	Kỹ thuật chế biến lâm sản	19
7	Chăn nuôi	30
8	Khoa học cây trồng	67
9	Bảo vệ thực vật	40
10	Kinh tế nông nghiệp	25
11	Lâm học	46
12	Nuôi trồng thủy sản	35
13	Thú y	85
14	Quản lý kinh tế	100
15	Quản lý tài nguyên và môi trường	40
16	Quản lý đất đai	89
Tổng		756

- Chỉ tiêu tuyển sinh chuyên ngành Thú y cộng đồng tuyển sinh năm 2024 sẽ xác định chung với chỉ tiêu tuyển sinh của chuyên ngành Thú y.

2.2. Thông tin tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ Thú y cộng đồng

2.2.1. Hình thức và thời gian đào tạo

Hình thức đào tạo chính quy áp dụng cho chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu.

Thời gian đào tạo trình độ thạc sĩ là 1,5 năm (18 tháng), tối đa là 3 năm (36 tháng).

2.2.2. Điều kiện dự tuyển

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ

tương đương trở lên); đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu ứng viên tốt nghiệp đại học từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu;

b) Có năng lực ngoại ngữ là tiếng Anh từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (nếu không đạt thì tham gia thi tuyển môn Anh văn).

2.2.3. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ

Chương trình đào tạo đáp ứng khối lượng học tập 60 tín chỉ theo định hướng nghiên cứu. Đối với ứng viên có chuyên ngành gần, ngành xa với chuyên ngành dự tuyển thì phải học các môn học bổ sung theo quy định.

Ngôn ngữ đào tạo của chương trình: tiếng Anh.

Chi tiết danh mục ngành phù hợp, ngành gần của từng chuyên ngành đào tạo: ứng viên tham khảo thông tin chi tiết được đăng tải trên website của Phòng Đào tạo Sau đại học tại địa chỉ: https://pgo.hcmuaf.edu.vn/. Cụ thể:

+ Danh mục các ngành đúng: Thú y, Chăn nuôi, Chăn nuôi – Thú y, Cử nhân y tế công cộng, Bác sĩ y học dự phòng.

+ Danh mục các ngành gần: Bệnh học thủy sản, Công nghệ sinh học.

+ Danh mục các ngành xa: Công nghệ thực phẩm, Sinh học động vật, Sư phạm kỹ thuật Nông nghiệp, Nông học.

2.2.4. Phương thức tuyển sinh: bao gồm thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển.

a) Xét tuyển (miễn thi)

Hình thức xét tuyển được áp dụng cho các ứng viên đáp ứng các tiêu chí sau:

- Năng lực ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu cụ thể như sau:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ Anh; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình đào tạo được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ Anh;

+ Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh đạt trình độ tương đương Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

- Ngành, chuyên ngành tốt nghiệp đại học: ứng viên có bằng tốt nghiệp đại học các ngành đúng, ngành gần với chuyên ngành dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ.

- Ứng viên phải có kết quả xếp loại học tập đại học đạt loại khá trở lên; hoặc là tác giả chính của công bố khoa học (bài báo được chấp nhận đăng trong danh mục tạp chí khoa học được tính điểm theo quy định của Hội đồng giáo sư Nhà nước, hoặc bài báo được xuất bản toàn văn trong các hội nghị, hội thảo có phản biện và có chỉ số xuất bản ISBN) liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu.

- Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt. Hồ sơ đăng ký sẽ được Hiệu trưởng căn cứ vào ngành đào tạo, kết quả học tập ở trình độ đại học để xét tuyển.

b) Thi tuyển

Hình thức thi tuyển áp dụng cho các ứng viên đã tốt nghiệp đại học hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học không thuộc đối tượng xét tuyển, đáp ứng điều kiện dự tuyển.

Các môn thi tuyển (Phụ lục 2).

1. Môn Cơ bản *(Theo danh mục đính kèm)*;
2. Môn Cơ sở *(Theo danh mục đính kèm)*;
3. Môn ngoại ngữ: Tiếng Anh.

c) Kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển

Trong trường hợp ứng viên chỉ đáp ứng các yêu cầu về tốt nghiệp ngành đúng, ngành gần với chuyên ngành dự tuyển, và có kết quả xếp loại học tập đại học đạt loại khá trở lên hoặc là tác giả chính của công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu mà chưa đáp ứng yêu cầu về năng lực ngoại ngữ thì ứng viên sẽ dự thi môn ngoại ngữ; hoặc trong trường hợp ứng viên chỉ đáp ứng yêu cầu năng lực ngoại ngữ mà chưa đáp ứng các yêu cầu còn lại thì ứng viên sẽ dự thi môn cơ bản và môn cơ sở ngành của ngành đăng ký dự tuyển.

2.2.5. Hồ sơ sự tuyển

Các hồ sơ theo mẫu: Đơn xin dự tuyển; Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan hoặc chính quyền địa phương; Biên nhận hồ sơ; 03 tấm hình 3 x 4 cm (dán trên phiếu

ảnh).

Các hồ sơ yêu cầu khác: Bản sao văn bằng tốt nghiệp đại học (có công chứng); Bảng điểm đại học (có công chứng); Công văn cử dự tuyển của cơ quan chủ quản (CB/CNV nhà nước); Các chứng chỉ bổ túc kiến thức (nếu có); Minh chứng là tác giả chính của công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu (nếu có); Giấy chứng nhận đủ sức khỏe (của Bệnh viện); Các bản sao (có công chứng) giấy tờ hợp pháp của đối tượng ưu tiên.

2.2.6. Lệ phí, thời gian ôn tập và dự tuyển

- Lệ phí tuyển sinh: 420.000 đồng/người, đóng tại phòng Kế hoạch Tài chính.
- Thời gian ôn thi dự kiến: Theo thông báo cụ thể của Nhà trường.
- Thời gian tuyển sinh: theo thông báo tuyển sinh.

3. Thông tin học phí cao học

3.1. Lệ phí dự thi và xét tuyển

Lệ phí dự thi và xét tuyển: 420.000 đ/ứng viên.

3.2. Lệ phí ôn thi

Stt	Chuyên ngành	Môn cơ bản 800.000 đ	Môn ngoại ngữ 1.200.000 đ	Môn cơ sở 1.200.000 đ
1	Thú y cộng đồng	Sinh lý gia súc	Anh văn	Toán Xác suất – Thống kê

3.3. Học phí trọn khóa:

Dự kiến học phí trọn khóa học: 125.000.000 đ

Kế hoạch thu học phí:

Đợt 1 tạm thu HKI: 45.000.000 đ

Đợt 2 tạm thu HKII: 45.000.000 đ

Đợt 3: 35.000.000 đ

3.4. Lệ phí nhập học và lễ tốt nghiệp:

Lệ phí nhập học: 500.000 đ/HV

Lễ tốt nghiệp: 500.000 đ/HV

4. Thông tin liên lạc

- Trường Đại học Nông Lâm Tp. Hồ Chí Minh (Cơ sở chính): Phòng 208, Phòng Đào tạo Sau đại học, Khu Thiên Lý, Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh, Khu phố 6, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

SĐT: 028.38963339 – 028.38974114.

E-mail: psdh@hcmuaf.edu.vn;

- Phân hiệu Trường Đại học Nông Lâm Tp. Hồ Chí Minh tại Ninh Thuận: Đ/c: Số 8 đường Yên Ninh, thị trấn Khánh Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

SĐT: 0259.2472252

- Phân hiệu Trường Đại học Nông Lâm Tp. Hồ Chí Minh tại Gia Lai: đường Trần Nhật Duật, Thôn 1, xã Diên Phú, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai. SĐT: 0269.3877035.

PHỤ LỤC 1

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN CƠ HỮU CÓ TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Học vị	Chuyên môn được đào tạo
1	Quách Tuyết Anh		Tiến sĩ	Thú y
2	Hoàng Thanh Hải		Tiến sĩ	Thú y
3	Võ Thị Trà An	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Thú y
4	Đường Chi Mai		Tiến sĩ	Thú y
5	Dương Nguyên Khang	Giáo sư	Tiến sĩ	Thú y
6	Đinh Xuân Phát		Tiến sĩ	Thú y
7	Trương Đình Bảo		Tiến sĩ	Thú y
8	Đỗ Tiến Duy	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Thú y
9	Nguyễn Thị Thương		Tiến sĩ	Thú y
10	Võ Tấn Đại	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Thú y
11	Nguyễn Tất Toàn	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Thú y
12	Nguyễn Kiên Cường		Tiến sĩ	Thú y
13	Nguyễn Đình Quát		Tiến sĩ	Thú y
14	Nguyễn Ngọc Hải	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Thú y
15	Lê Quang Thông	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Thú y
16	Nguyễn Ngọc Thanh Xuân		Tiến sĩ	Thú y
17	Lê Thanh Hiền	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Thú y
18	Ngô Bá Duy		Tiến sĩ	Thú y
19	Trần Thị Quỳnh Lan		Tiến sĩ	Thú y

PHỤ LỤC 2

DANH MỤC CÁC MÔN THI TUYỂN CAO HỌC

STT	Chuyên ngành	Mã chuyên ngành	Các môn thi tuyển		
			Cơ bản	Cơ sở	Ngoại ngữ
1	Thú y cộng đồng	8640101.01	Xác suất - Thống kê	Sinh lý gia súc	Tiếng Anh